

Số: 223/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 14 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 781/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Trương Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: 30/13 Khu phố A, Phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà **Phan Thị Tuyết N**, sinh năm 1994;

Nơi thường trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F;

Nơi đang sinh sống: 74/5N Tổ G, Ấp H, xã I, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2020 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F cấp ngày 07/12/2020; số: 58). Nay, ông L và bà N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N không có con chung.

Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N thỏa thuận: Ông L tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F cấp ngày 07/12/2020; số: 58 không còn giá trị.

- Về con chung: Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trương Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Nguyễn Ngọc L tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Trương Nguyễn Ngọc L được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022396 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Nguyễn Ngọc L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã xã D, huyện E, tỉnh F;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim